

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn H, sinh năm 1996; địa chỉ: phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Phan T, sinh năm 1996; Hộ khẩu thường trú: phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn H và chị Phan T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/6/2016 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện, nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H vi phạm pháp luật nên phải đi tù, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh H không quan T đến vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan T gì đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật,

không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị T.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn H và chị Phan T có 02 người con chung là: Nguyễn Q, sinh ngày 20/9/2013 và Nguyễn K, sinh ngày 08/8/2016. Anh H và chị T thống nhất: Giao cả 02 cháu Nguyễn Q và Nguyễn K cho anh Nguyễn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Phan T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn H và chị Phan T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn H và chị Phan T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn H và chị Phan T có 02 người con chung là: Nguyễn Q, sinh ngày 20/9/2013 và Nguyễn K, sinh ngày 08/8/2016.

Giao cả 02 cháu Nguyễn Q và Nguyễn K cho anh Nguyễn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Phan T không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cả 02 cháu Nguyễn Q và Nguyễn K đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn H và chị Phan T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn H và chị Phan T, mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009752 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn H và chị Phan T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT. Huế;
  - VKSND thành phố Huế;
  - CC THADS thành phố Huế;
  - UBND P.N, thành phố H,
- (Đăng ký kết hôn số: 26 ngày 15/6/2016);
- Người yêu cầu;
  - Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Lê Văn Hạnh**